

## **THÔNG BÁO**

### **Công khai quyết toán ngân sách năm 2021**

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2/2021/QĐ-UBND ngày 09/2/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán chi ngân sách đầu năm 2021 cho Sở Nội vụ tỉnh Nam Định.

Căn cứ Quyết định 215/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc bổ sung kinh phí cho Sở Nội vụ tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-SNV ngày 05/02/2021 về việc giao dự toán bổ sung ngân sách nhà nước cho Văn phòng Sở Nội vụ năm 2021.

Căn cứ Quyết định số 1021/QĐ-SNV ngày 26/4/2021 về việc giao dự toán bổ sung ngân sách nhà nước cho Văn phòng Sở Nội vụ năm 2021.

Căn cứ Quyết định số 2386/QĐ-SNV ngày 15/11/2021 về việc giao dự toán bổ sung ngân sách nhà nước cho Văn phòng Sở Nội vụ năm 2021.

*(Theo biểu 03 và thuyết minh kèm theo)*

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ tỉnh Nam Định.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP (NTH01).

**GIÁM ĐỐC**



**Triệu Đức Hạnh**

**ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**  
**ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG SỞ NỘI VỤ**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	C	1	2	3=2-1
<b>I</b>	<b>Hoạt động hành chính, sự nghiệp</b>				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01	28.159.695.505	28.159.695.505	-
	a. Từ NSNN cấp	02	28.159.695.505	28.159.695.505	-
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04	0		-
2	Chi phí (05=06+07+08)	05	27.281.965.505	27.281.965.505	-
	a. Chi phí hoạt động	06	27.281.965.505	27.281.965.505	-
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07			
	c. Chi phí hoạt động thu phí	08	0		
3	Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05)	09	877.730.000	877.730.000	-
<b>II</b>	<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ</b>				
1	Doanh thu	10			
2	Chi phí	11			
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12			
<b>III</b>	<b>Hoạt động tài chính</b>				
1	Doanh thu	20			
2	Chi phí	21			
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22			
<b>IV</b>	<b>Hoạt động khác</b>				
1	Thu nhập khác	30			
2	Chi phí khác	31			
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32			
<b>V</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	40			
<b>VI</b>	<b>Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)</b>	50	<b>877.730.000</b>	<b>877.730.000</b>	-
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51	877.730.000	877.730.000	-
2	Phân phối cho các quỹ	52			
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53			-

## SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

Đơn vị: Văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Nam Định

STT	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Số báo cáo	Số quyết toán	Chênh lệch	Ghi chú
1	13	341	8.138.859.430	8.138.859.430		
2	12	85	1.199.215.000	1.199.215.000		
3	12	332	4.000.000.000	4.000.000.000		
4	12	341	14.304.660.000	14.304.660.000		
5	15	341	400.000.000	400.000.000		
6	14	341	116.961.075	116.961.075		
	<b>Cộng:</b>		<b>28.159.695.505</b>	<b>28.159.695.505</b>	<b>0</b>	